

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN P  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 24/2020/DSST.

Ngày: 14/12/ 2020.

Về việc: *Tranh chấp về thừa kế tài sản.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Quang Thái.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoi - Ông Nguyễn Văn H.

**Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Trịnh Thị Minh H – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện P:**

Bà Bùi Thị Bích Thảo. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 14/12/2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân Huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2019/TLST-DS ngày 15/03/2019 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trương Văn H, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Xóm T, xã N, Huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- **Bị đơn:** Ông Trương Văn T, sinh năm 1965 (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

1. Bà Tạ Thị H, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Xóm N, xã H, Huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Trương Văn T, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Xóm N, xã H, Huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trương Thị T, sinh năm 1957 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm T, xã N, Huyện P, tỉnh Thái Nguyên

2. Bà Trương Thị H, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: Xóm Đ, xã H, Huyện P, tỉnh Thái Nguyên

3. Ông Trương Văn T, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã N, Huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

4. Bà Trương Thị H, sinh năm 1971 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ T, xã T, Hện X, tỉnh Đồng Nai

5. Bà Tạ Thị H, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Xóm N, xã H, Hện P, tỉnh Thái Nguyên.

6. Anh Trương Văn T, sinh năm 1992(Có mặt).

Địa chỉ: Xóm N, xã H, Hện P, tỉnh Thái Nguyên.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Văn H trình bày: Bố mẹ ông là cụ Trương Văn P và cụ Nguyễn Thị N sinh được 06 người con gồm: Bà Trương Thị T, ông Trương Văn T, bà Trương Thị H, ông Trương Văn T, bà Trương Thị H và ông. Cụ Phát chết năm 2014, cụ Nghĩa chết năm 2016. Khi còn sống cụ Phát và cụ Nghĩa đã chia đất cho các con, hiện còn để lại một thửa đất số 1716, tờ bản đồ địa chính số 8, bản đồ địa chính xã H diện tích 640m<sup>2</sup>, loại đất 1lúa, đã được UBND Hện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Trương Văn P vào ngày 29/7/2002. Trước khi chết bố mẹ ông không để lại di chúc, thửa đất trên hiện ông Trương Văn T chiếm giữ, canh tác. Các anh chị em trong gia đình đã họp yêu cầu ông T chia thửa đất 1716 cho ba anh em trai, nhưng ông T không đồng ý chia.

Đến thời điểm hiện nay ông T chết, bà Tạ Thị H là vợ ông T hiện đang canh tác, anh chị em trong gia đình đã yêu cầu bà H tạm dừng việc canh tác, chờ Tòa án nhân dân Hện P giải quyết xong việc tranh chấp tài sản thừa kế giữa các bên đương sự. Nhưng bà H không nhất trí, không đồng ý chia thửa đất trên theo quy định của pháp luật về thừa kế, mà đòi hưởng hết thửa đất trên. Nay ông đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thửa 1716 trên cho ông, ông Tuệ, ông T, còn các chị em gái từ chối nhận thừa kế nên không chia.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Trương Văn T và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T, bà Tạ Thị H khai: Ông bà xác định nguồn gốc tài sản đang tranh chấp, là của cụ Trương Văn P và cụ Nguyễn Thị N tạo lập khi còn sống. Cụ P, cụ N sinh được 06 người con như ông H đã khai. Khi còn sống cụ P, cụ Nghĩa đã chia toàn bộ đất cho các con. Chỉ còn lại thửa 1716, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã H, diện tích 640 m<sup>2</sup> loại đất 1 lúa, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Trương Văn P. Thửa đất này là để cho ai cúng giỗ cha mẹ thì được quản lý, sử dụng, ông T là con trai trưởng nên ông PH cúng giỗ cha mẹ, do đó ông PH được thừa hưởng thửa đất trên. Nay ông H, ông Tuệ đề nghị chia thừa kế thửa đất trên làm ba phần cho ba người con trai của cụ Phát, cụ Nghĩa thì ông bà không đồng ý.

- *Ý kiến của anh Trương Văn T (Con trai ông T, bà H):* Nhất trí với ý kiến của bà H, không có ý kiến gì thêm.

- *Ý kiến của ông Trương Văn T:* Ông xác định thửa đất 1716, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã H, diện tích 640m<sup>2</sup> là di sản của cụ Trương Văn P và cụ Nguyễn Thị N để lại. Cụ Phát và cụ Nghĩa có 06 người con như ông H đã khai, năm 2013 cụ Trương Văn P có viết di chúc để lại cho ông một thửa đất, nay bản thân ông xác định di chúc đó không hợp pháp, thửa đất mà ông được cụ Phát viết di chúc không phải là thửa đất 1716. Nay ông đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thửa 1716 trên cho ông, ông Tuệ, ông T, còn các chị em gái từ chối nhận thừa kế nên không chia. Hiện nay ông T đã chết, ông đề nghị Tòa án chia một phần đất mà ông T được hưởng, của bố mẹ cho bà Tạ Thị H và các con của bà theo quy định của pháp luật.

- *Bà Trương Thị T, bà Trương Thị H, bà Trương Thị H, là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thống nhất khai:* Các bà xác định thửa đất 1716, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã H, diện tích 640m<sup>2</sup> là di sản do bố mẹ các bà là cụ Trương Văn P và cụ Nguyễn Thị N để lại. Cụ Phát và cụ Nghĩa có 06 người con như ông H đã khai, trước khi chết thì cụ Phát, cụ Nghĩa không để lại di chúc, hiện thửa đất trên do gia đình vợ chồng ông Trương Văn T, bà Tạ Thị H canh tác. Nay ông H yêu cầu chia thừa kế thửa đất 1716, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã H, thì các bà từ chối nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thửa 1716. Các bà đề nghị Tòa án chia đều thửa đất 1716 làm 03 phần, cụ thể: Cho ông T, ông Tuệ và ông H.

Tài liệu chứng cứ ông H giao nộp cho Tòa án gồm: Trích lục khai tử của cụ Trương Văn P, cụ Nguyễn Thị N; Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông (bà) Trương Văn P; giấy xác nhận quan hệ Hết thống; biên bản hòa giải tại UBND xã H, Hện P.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Trương Văn T chết do bị bệnh vào ngày 13/6/2019. Hàng thừa kế thứ nhất của ông T là bà Tạ Thị H vợ của ông T, cùng các con của ông được xác định là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng, tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 07/8/2020 xác định: Thửa đất 1716, tờ bản đồ địa chính số 8, xã H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông (bà) Trương Văn P, mục đích sử dụng là đất 1 lúa. Có diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 640 m<sup>2</sup>, thửa đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp thửa 1715; phía Bắc giáp các thửa 1671, 1672, 1673; phía Tây giáp đường giao thông liên xóm; phía Nam giáp thửa 1784, 1785. Hiện thửa đất đang do gia đình ông T, bà H canh tác, trên thửa

đất không có tài sản gì, không có tranh chấp với các hộ liền kề về ranh giới của thửa đất. Thửa đất có giá trị là 75.000 đồng/1m<sup>2</sup>. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã xác minh, thu thập chứng cứ và được UBND xã H cho biết: Vào năm 2013, ông T thay mặt cụ Phát đã ủng hộ 95 m<sup>2</sup> đất để làm công trình giao thông nông thôn. Nên diện tích thực tế của thửa đất ít hơn so với diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại công văn số 2499/STNMT – ĐBĐVT ngày 21/8/2020 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cho biết: Tháng 11/2019, Sở tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện đo đạc chỉnh lý, bổ sung bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính Hện P, đã được UBND tỉnh phê duyệt, thửa 1716, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã H được kiểm tra tại thực địa. Theo số liệu đo đạc, tính toán thể hiện trên bản đồ đo vẽ hiện trạng thực tế, thửa đất số 1716 có diện tích là 597,1 m<sup>2</sup>.

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các bên đương sự không nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới, cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên Tòa án pH đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông Trương Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được nội dung vụ án. Các bên đương sự không nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện P phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định tại điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị T, bà Trương Thị H không tham gia phiên tòa sơ thẩm, đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế là thửa đất số 1716, tờ bản đồ địa chính số 8 xã H, diện tích thực tế còn lại 597,1 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất 1 lúa cho ông Trương Văn T, Trương Văn H và hàng thừa kế thứ nhất của ông Trương Văn T.

Chấp nhận việc từ chối nhận di sản thừa kế của bà Trương Thị T, Trương Thị H, Trương Thị H.

- Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Đề nghị HĐXX buộc các đương sự pH chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm và các chi phí khác theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Hện P. Hội đồng xét xử nhận định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**[1]. Về tố tụng:** Đây là vụ án “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo khoản 5 Điều 25 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tài sản tranh chấp và bị đơn có nơi cư trú tại Xóm N, xã H, Hện P nên căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện P.

**[2]. Về nội dung:** Đây là vụ án về việc đòi chia tài sản thừa kế được quy định tại Điều 649 của Bộ Luật dân sự.

**[3]. Về sự tham gia tố tụng của các đương sự:** Trong vụ án này ông Trương Văn H là nguyên đơn, ông Trương Văn T là bị đơn, ông Trương Văn T, bà Trương Thị T, Trương Thị H, Trương Thị H, Tạ Thị H; anh Trương Văn T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Ngày 13/6/2019 ông Trương Văn T chết, Tòa án đã báo gọi bà Tạ Thị H, anh Trương Văn T, chị Trương Thị Tam là vợ và con của ông T đến để giải quyết vụ án với tư cách tham gia tố tụng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng. Chị Tam không có mặt tại địa phương, nên Tòa án nhân dân Hện P đã làm thủ tục tuyên bố một người mất tích đối với chị Tam. Tại Quyết định số 07 ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân Hện P, đã quyết định tuyên bố một người mất tích đối với chị Trương Thị Tam; Bà Trương Thị T, bà Trương Thị H không tham gia phiên tòa sơ thẩm, đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Thanh, bà Huệ là phù hợp với quy định của pháp luật.

**[4] . Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện vụ án:** Cụ Trương Văn P chết ngày 27/02/2014, cụ Nguyễn Thị N chết ngày 14/10/2016. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “...*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, ..., kể từ thời điểm mở thừa kế...*”. Năm 2018, ông Trương Văn H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản của cụ Phát, cụ Nghĩa để lại. Nên thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn.



**[5]. Về di sản thừa kế:** Theo như các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thì di sản của cụ Trương Văn P và cụ Nguyễn Thị N để lại gồm: Thửa đất số 1716, tờ bản đồ địa chính số 8 xã H, diện tích là 640 m<sup>2</sup> đã được UBND Hện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào số 00905 ngày 29/7/2002, năm 2013 gia đình cụ Phát có hiến cho UBND xã H 95m<sup>2</sup>, như vậy diện tích đất còn lại của thửa đất là 545m<sup>2</sup>.

Tuy nhiên tại công văn số 2499/STNMT – ĐĐBĐVT ngày 21/8/2020, của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên đã xác định diện tích thực tế còn lại của thửa đất 1717, tờ bản đồ địa chính số 8 là 597,1 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng là đất 1 lúa. Tại phiên tòa các đương sự đều nhất trí, không có ý kiến gì về diện tích thực tế còn lại là 597,1 m<sup>2</sup>. Do đó Hội đồng xét xử lấy diện tích thực tế theo số đo của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên để giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự đều xác nhận thửa đất trên khi còn sống cụ Phát và cụ Nghĩa chưa chia cho ai, trước khi chết cũng không lập di chúc hợp pháp chia cho ai thửa đất này. Đây là tình tiết không PH chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả định giá ngày 07/8/2020, trị giá của thửa đất số 1716, tờ bản đồ số 8 là: 597,1 m<sup>2</sup> x 75.000 đồng/m<sup>2</sup> = 44.782.500 đồng.

**[6]. Về diện và hàng thừa kế:** Cụ Trương Văn P và cụ Nguyễn Thị N có 06 người con là bà Trương Thị T, sinh năm 1957; bà Trương Thị H, sinh năm 1961, ông Trương Văn T, sinh năm 1965; ông Trương Văn T, sinh năm 1969; bà Trương Thị H, sinh năm 1971; ông Trương Văn H, sinh năm 1973. Những người con trên thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phát và cụ Nghĩa. Do cụ Phát, cụ Nghĩa trước khi chết không để lại di chúc nên sẽ chia di sản thừa kế theo pháp luật và hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phát, cụ Nghĩa đều được quyền hưởng di sản thừa kế ngang nhau. Ông Trương Văn T chết năm 2019, có vợ là bà Tạ Thị H và hai người con là chị Trương Thị Tam, anh Trương Văn T. Hội đồng xét xử xác định bà H và các con là người thừa kế cHên tiếp của ông Trương Văn T.

**[7]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:** Ông Trương Văn H yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trương Văn P và cụ Nguyễn Thị N để lại là thửa 1716, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế còn lại 597,1 m<sup>2</sup> loại đất 1 lúa. Chia bằng hiện vật đều cho ba anh em trai là ông Trương Văn T, Trương Văn T, Trương Văn H. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T, ông Tuệ, ông H đều thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phát và cụ Nghĩa. Thửa đất 1716 là di sản hợp pháp do cụ Phát, cụ Nghĩa để lại chưa chia, thửa đất trên không có tranh chấp với ai, hiện đang do gia đình ông Trương Văn T, bà Tạ Thị H quản lý. Trước khi chết cụ Phát, cụ Nghĩa không để lại di chúc, những người thuộc hàng thừa kế còn lại gồm bà Thanh, bà Huế, bà

Huệ tự nguyện từ chối nhận di sản thừa kế của cụ Phát, cụ Nghĩa. Do đó yêu cầu của ông Trương Văn H về việc chia đều di sản là thửa đất 1716 bằng hiện vật làm 03 phần cho ông H, ông T, ông Tuệ là có căn cứ và phù hợp nên cần được chấp nhận.

[8]. Tại phiên tòa, ông Trương Văn T xác định: Bản di chúc (phô tô) của ông Trương Văn P, viết ngày 05/4/2013 chia 02 thửa đất cho ông là không hợp pháp. Nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về bản di chúc này. Do đó Hội đồng xét xử không giải quyết về bản di chúc viết ngày 05/4/2020 trong bản án này.

**[9]. Xét yêu cầu của bị đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:** Ông T, bà H xác định là con trai trưởng có trách nhiệm thờ cúng cha, mẹ nên được quyền hưởng di sản của cụ Phát, cụ Nghĩa để lại. Hội đồng xét xử xét thấy việc thờ cúng là nghĩa vụ của con cái đối với cha mẹ. Nên việc phía bị đơn cho rằng ông T thờ cúng cha mẹ nên có quyền được hưởng di sản thừa kế là không có căn cứ chấp nhận. Bác yêu cầu này của bà Tạ Thị H, anh Trương Văn T. Từ những phân tích xét thấy như trên, Hội đồng xét xử phân chia di sản thừa kế của cụ Phát, cụ Nghĩa để lại như sau như sau:

Theo sơ đồ hiện trạng, kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân Huyện P phân chia thửa đất làm 03 phần. Cụ thể:

- Chia cho ông Trương Văn T được sử dụng 199 m<sup>2</sup> đất được đánh số (1), được tách từ thửa đất số 1716, có trị giá 14.925.000 đồng.
- Chia cho ông Trương Văn H được sử dụng 199 m<sup>2</sup>, được đánh số (2), được tách từ thửa đất số 1716, có trị giá 14.925.000 đồng.
- Chia cho bà Tạ Thị H và anh Trương Văn T (Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trương Văn T) được quyền sử dụng 199,1m<sup>2</sup> đất, được đánh số (3), được tách từ thửa 1716, có trị giá 14.932.500 đồng.

**[10]. Về chi phí tố tụng:** Ông Trương Văn H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết số tiền này tại phiên tòa.

**[11]. Về án phí:** Các đương sự PH chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

**[12].** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về điều luật áp dụng:** Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 649, 650; 651

của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.**Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H về việc: Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, cụ thể chia thửa đất số 1716, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã H có diện tích thực tế là 597,1m<sup>2</sup> cho những người như sau:

**1.1.** Chia cho bà Tạ Thị H và anh Trương Văn T được sử dụng 199,1 m<sup>2</sup> đất được đánh số (3), được tách từ thửa đất số 1716, có trị giá 14.925.000 đồng. Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp thửa đất số 1715, có chiều rộng 0,7 mét; giáp đường giao thông 2,1 mét.

- Phía Tây giáp đường bê tông có chiều rộng là 5,9 mét.

- Phía Nam giáp thửa đất số (2) của ông Trương Văn H có chiều dài là 39,4 mét.

- Phía Bắc giáp thửa đất số 1671, 1672, 1673 có chiều dài 39,1 mét. Có sơ đồ kèm theo.

**1.2.** Chia cho ông Trương Văn H được sử dụng 199,0 m<sup>2</sup> đất được đánh số (2), được tách từ thửa đất số 1716, có trị giá 14.925.000 đồng. Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định cụ thể như sau

- Phía Đông giáp thửa đất số 1715, có chiều rộng là 4,7 mét.

- Phía Tây giáp đường bê tông có chiều rộng 6,0 mét.

- Phía Nam giáp thửa đất số (1) của ông Trương Văn T, có chiều dài là 36,4 mét.

- Phía Bắc giáp thửa đất số (3) của bà Tạ Thị H có chiều dài 39,1 mét. Có sơ đồ kèm theo.

**1.3.** Chia cho ông Trương Văn T được sử dụng 199 m<sup>2</sup> đất được đánh số (1), được tách từ thửa đất số 1716, có trị giá 14.925.000 đồng. Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định cụ thể như sau

- Phía Đông giáp thửa đất số 1715, có chiều rộng là 4,4 mét.

- Phía Tây giáp đường bê tông có chiều rộng 6,2 mét.

- Phía Nam giáp thửa đất số 1784, 1785, có chiều dài là 34,0 mét.

- Phía Bắc giáp thửa đất số (2) của anh Trương Văn H có chiều dài 36,4 mét. Có sơ đồ kèm theo.

**2. Về chi phí thẩm định, định giá:** Ông Trương Văn H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá nên Hội đồng xét xử không giải quyết.



**3. Về án phí:** Buộc ông Trương Văn H pH nộp 746.250đ án phí DSST, được trừ đi số tiền 300.000 tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Hện P, theo biên lai số 00000735 ngày 14/3/2019, ông H còn pH nộp tiếp số tiền án phí là 446.250đ vào ngân sách nhà nước; Buộc ông Trương Văn T pH nộp 746.250đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước; Buộc bà Tạ Thị H và anh Trương Văn T pH liên đới nộp 746.250đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước.

**4. Thông báo về quyền kháng cáo:** Án xử công khai, sơ thẩm có mặt hai bên đương sự. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Toà án tỉnh Thái Nguyên;
- VKS tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Hện P;
- T.H.A DS Hện P;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Phạm Quang Thái**

TAND TỈNH THÁI NGUYÊN  
TAND HỆN P

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 12 năm 2020. Tại phòng nghị án của Tòa án nhân dân Hện P, tỉnh Thái Nguyên.

### **Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Thái.

Các thành viên hội đồng xét xử gồm có:

Ông Nguyễn Văn H – Ông Nguyễn Văn Hợi<sup>9</sup>.

Tiến hành nghị án vụ án DSST thụ lý số 12/2019/LHST ngày 15/3/2019 về việc “Tranh chấp tài sản thừa kế” giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Trương Văn H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Xóm T, xã N, Hện P, tỉnh Thái Nguyên.

- **Bị đơn :** Ông Trương Văn T, sinh năm 1965 (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

1. Bà Tạ Thị H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Xóm N, xã H, Hện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Trương Văn Văn Tiếp, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm N, xã H, Hện P, tỉnh Thái Nguyên.

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trương Thị T, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Xóm T, xã N, Hện P, tỉnh Thái Nguyên

2. Bà Trương Thị H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Xóm Đông, xã H, Hện P, tỉnh Thái Nguyên

3. Ông Trương Văn T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Xóm T, xã N, Hện P, tỉnh Thái Nguyên.

4. Bà Trương Thị H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ Tràng Táo, xã Tân Thành, Hện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

1. Bà Tạ Thị H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Xóm N, xã H, Hện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Trương Văn T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm N, xã H, Hện P, tỉnh Thái Nguyên.

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

**1. Về điều luật:** Biểu quyết 3/3(100%)

**Về điều luật áp dụng:** Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 649, 650; 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**2. Các vấn đề cần giải quyết trong vụ án:** Kết quả biểu quyết: 3/3(100%).

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H về việc:** Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, cụ thể chia thửa đất số 1716, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã H có diện tích thực tế là 597,1m<sup>2</sup> cho những người như sau:

**1.1.** Chia cho bà Tạ Thị H và anh Trương Văn T được sử dụng 199,1 m<sup>2</sup> đất được đánh số (3), được tách từ thửa đất số 1716, có trị giá 14.925.000 đồng. Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp thửa đất số 1715, có chiều rộng 0,7 mét; giáp đường giao thông 2,1 mét.

- Phía Tây giáp đường bê tông có chiều rộng là 5,9 mét.

- Phía Nam giáp thửa đất số (2) của ông Trương Văn H có chiều dài là 39,4 mét.

- Phía Bắc giáp thửa đất số 1671, 1672, 1673 có chiều dài 39,1 mét. Có sơ đồ kèm theo.

**1.2.** Chia cho ông Trương Văn H được sử dụng 199,0 m<sup>2</sup> đất được đánh số (2), được tách từ thửa đất số 1716, có trị giá 14.925.000 đồng. Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định cụ thể như sau

- Phía Đông giáp thửa đất số 1715, có chiều rộng là 4,7 mét.

- Phía Tây giáp đường bê tông có chiều rộng 6,0 mét.

- Phía Nam giáp thửa đất số (1) của ông Trương Văn T, có chiều dài là 36,4 mét.

- Phía Bắc giáp thửa đất số (3) của bà Tạ Thị H có chiều dài 39,1 mét. Có sơ đồ kèm theo.

**1.3.** Chia cho ông Trương Văn T được sử dụng 199 m<sup>2</sup> đất được đánh số (1), được tách từ thửa đất số 1716, có trị giá 14.925.000 đồng. Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định cụ thể như sau

- Phía Đông giáp thửa đất số 1715, có chiều rộng là 4,4 mét.

- Phía Tây giáp đường bê tông có chiều rộng 6,2 mét.

- Phía Nam giáp thửa đất số 1784, 1785, có chiều dài là 34,0 mét.

- Phía Bắc giáp thửa đất số (2) của anh Trương Văn H có chiều dài 36,4 mét. Có sơ đồ kèm theo.

**2. Về chi phí thẩm định, định giá:** Ông Trương Văn H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

**3. Về án phí:** Buộc ông Trương Văn H pH nộp 746.250đ án phí DSST, được trừ đi số tiền 300.000 tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Hện P, theo biên lai số 00000735 ngày 14/3/2019, ông H còn pH nộp tiếp số tiền án phí là 446.250đ vào ngân sách nhà nước; Buộc ông Trương Văn T pH nộp 746.250đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước; Buộc bà Tạ Thị H và anh Trương Văn T pH liên đới nộp 746.250đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước.

**4. Thông báo về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 14/12/2020. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**